

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2024
V/v: "Ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn

Ông Lê Hữu Vị

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Nh, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Đình Th1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2024, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày: Bà kết hôn với ông Lê Đình Th1 ngày 29/5/2023 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L nay là huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi kết hôn ông bà tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn bà về chung sống cùng gia đình ông Th1 ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01 năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và do có khó khăn về kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Tháng 02 năm 2005 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà Th về nhà mẹ đẻ ở xã Nhạo Sơn và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi sống ly thân hai bên không liên lạc, không quan tâm và cũng không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng cũng như khắc phục mâu thuẫn. Nay bà xác định vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn ông Th1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 24/9/1995 và Lê Thị Thúy H, sinh ngày 05/9/1997. Hiện nay cả hai con đã thành niên và có gia đình riêng nên bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Bà Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Đình Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Th1 không đến Tòa án làm việc; không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; phiên hòa giải. Ông Th1 không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn của bà Th. Tại phiên tòa hôm nay ông Th1 vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật. Kết quả xác minh tại địa phương và gia đình xác định ông Th1 biết việc Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án ly hôn giữa bà Th và ông Th1.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Lê Quốc V (con đẻ ông Th1), tiến hành xác minh tại UBND xã Đ đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Th và ông Th1 là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ lâu. Hiện ông Th1 đi làm ăn, khi có công việc gia đình vẫn có mặt tại địa phương. Ông Th1 có biết việc bà Th xin ly hôn nhưng từ chối đến Tòa án làm việc. Anh V là người nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác của Tòa án thay cho ông Th và cam kết đã thông báo cho ông Th được biết về nội dung các văn bản anh đã nhận thay ông Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của

pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Th được ly hôn ông Lê Đình Th1. Về nuôi con chung, về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Th phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lê Đình Th1 đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Th1 không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là ông Lê Đình Th1 vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Th1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th và ông Th1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Lê Đình Th1 đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lập Thạch nay là huyện Sông Lô trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 01 năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và gặp khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 02 năm 2005 bà Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Nh ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài từ năm 2005 đến nay nhưng hai bên đều không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm, khắc phục mâu thuẫn. Xác minh UBND xã Đ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông Th1 mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau nên mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc bà Th xin ly hôn ông Th1 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Th1 vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện ông Th1 cố tình gây khó khăn cho bà Th và không có mong

muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th được ly hôn ông Lê Đình Th1.

[3] Về con chung: Bà Th và ông Th1 có 02 con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 24/9/1995 và Lê Thị Thúy H, sinh ngày 05/9/1997. Hiện nay cả hai con đã thành niên và có gia đình riêng. Bà Th không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Bà Th không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th được ly hôn ông Lê Đình Th1.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0000949 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Bà Th đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

